|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***15/1/2024***  ***17/1/2024***  ***18/1/2024*** | ***15/1/2024***  ***17/1/2024***  ***18/1/2024*** |
| ***7/1/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4/4/4*** | ***2/5/2*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 6.**  **TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**  **TIẾT 73, 74, 75**  **ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG; ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các chi tiết thể hiện tính cách nhân vật, bối cảnh của truyện và ý nghĩa của bối cảnh trong việc xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện *.*

- Thấy được những đăc sắc nghệ thuật trong việc xây nhân vật, bối cảnh truyện.

+ Rút ra được bài học của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**\* Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**3. Về phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.Thiết bị: Máy chiếu,ti vi

2.Học liệu: Tư liệu về văn bản : “ Ếch ngồi đáy giếng”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. VĂN BẢN ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

**HOẠT ĐỘNG 1:HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:**GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:**Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình

-Kĩ thuật: động não

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

**?:**GV cho HS xem phim hoạt hình về truyện ngụ ngôn *Chú gà trống kiêu căng*: [**https://youtu.be/\_9CRQ5qXrjo**](https://youtu.be/_9CRQ5qXrjo)



GV đặt câu hỏi:

*Câu chuyện trên mang đến cho em bài học nhận thức gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** : HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**GV:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào truyện ngụ ngôn, xâu chuỗi, dẫn vào bài.

- *Như các em đều biết, việc học của chúng ta không chỉ học những tri thức có ở nhà trường, mà còn cần không ngừng học hỏi những điều từ thế giới bao la rộng lớn và trong cuộc sống. Ở bài 6, các em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại dân gian: truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Trước hết, chúng ta cùng đi vào phần Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các chi tiết thể hiện tính cách nhân vật, bối cảnh của truyện và ý nghĩa của bối cảnh trong việc xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Thấy được những đăc sắc nghệ thuật trong việc xây nhân vật, bối cảnh truyện.

+ Rút ra được bài học của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đặc điểm truyện ngụ ngôn** |
| *Hình thức:* | …. |
| *Nhân vật:* | …. |
| *Bối cảnh* |  |
| *Nội dung, ý nghĩa:* | …. |

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ.** | |
| Tục ngữ | Thành ngữ |
| Ví dụ |  |  |
| Cấu tạo |  |  |
| Nội dung, ý nghĩa |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Bối cảnh của câu chuyện.*** | **Ếch khi ở trong đáy giếng** | **Ếch khi ra ngoài giếng** |
| *Môi trường* |  |  |
| *Suy nghĩ, nhận thức* |  |  |
| *Hành động, thái độ* |  |  |
| *Nhận xét/kết quả* |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.3, đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn*và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong  Nhóm 1: **Phiếu học tập 01.**  \*GV nêu câu hỏi:  Dựa vào tri thức em vừa tìm hiểu, hãy chia sẻ những truyện ngụ ngôn mà em đã từng đọc hoặc nghe kể.  Câu hỏi gợi ý để làm phiếu HT 1:  *- Truyện ngụ ngôn có thường có hình thức như thế nào?*  *- Truyện thường kể về những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?*  *- Bối cảnh của truyện có gì độc đáo?*  *- Truyện ngụ ngôn đem đến cho người đọc điều gì?*  Nhóm 2: **Phiếu học tập 02.**  Câu hỏi gợi ý để làm phiếu HT 2:  *Dựa vào tri thức em vừa tìm hiểu, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về tục ngữ. Tục ngữ khác thành ngữ ở điểm nào? Lấy ví dụ?*  *-GV yêu cầu hs trình bày:*  *+ Hình thức*  *+Nhân vật chính*  *+Ngôi kể*  *+Bố cục*  *+ Tình huống truyện.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  -Hs trình bày.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức:  *+ Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo; Ngôn: Lời nói -> Ngụ ngôn là lời nói có ngụ ý, tức lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu.*  + *Kho tàng TNN rất phong phú và đa dạng. Có những TNN dân gian, có TNN do các nhà văn sáng tác nên. Nổi tiếng thế giới có truyện ngụ ngôn Ê-dốp, La-phon-ten,… ở Việt Nam cũng có một kho TNN rất phong phú, đa dạng: “Rùa và thỏ, Hai chú dê qua cầu, Thầy bói xem voi,…”. Chứa đựng trong những câu chuyện ấy là bài học cuộc sống sâu sắc cho con người chúng ta. TNN thường ngắn, không có nhiều tình tiết, sự việc, chỉ tập trung vào một hoặc vài chi tiết, kết thúc bất ngờ. Truyện thường dùng cách nói ẩn dụ, ngôn ngữ phóng đại, giàu hình ảnh để thể hiện nội dung.* | **2. Tìm hiểu chung**  **-Thể loại: Truyện ngụ ngôn và tục ngữ:**  **a. Truyện ngụ ngôn:**  **- Hình thức:** Ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.Ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.  **- Nhân vật:** là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân cách hoá, có đặc điểm như con người.  - **Bối cảnh:** là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện câu chuyện.  **- Nội dung:**mượn chuyện loài vật để kín đáo nói chuyện con người -> khuyên nhủ, răn dạy những bài học cho con người trong cuộc sống.  **b. Tục ngữ, thành ngữ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ.** | | | Tục ngữ | Thành ngữ | | Ví dụ | -  *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.*  - *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng;* | *- Đẽo cày giữa đường*  *- Rán sành ra mỡ* | | Cấu tạo | Một câu nói ngắn gọn, hàm súc, có vần điệu, có hình ảnh. | Chưa thành câu, mà là những cụm từ ngắn gọn, có vần điệu, hình ảnh. | | Nội dung, ý nghĩa | Nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên, con người. | Giúp lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao. |   **-** *Hình thức:* văn xuôi  *- Nhân vật chính:* Con ếch (loài vật)  *- Ngôi kể :* ngôi thứ ba  *-Bố cục : 2 phần*  - Phần 1 : Từ đầu → *vị chú tể* : Ếch khi ở trong giếng  - Phần 2 : Còn lại : Ếch khi ra khỏi giếng  **-** Tình huống truyện  Bị nước đẩy lên mặt đất, con ếch lâu năm ngồi đáy giếng vẫn vênh váo, tự phụ, xem bầu trời bằng cái vung và mình là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm bẹp ->tình huống bộc lộ tác hại vì sự ngộ nhận của bản thân. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *- Nhân vật chính trong truyện là nhân vật nào? Căn cứ vào đâu để em xác định đây là nhân vật chính?*  *- Hãy nêu một số chi tiết trong truyện giúp em hiểu về tính cách của nhân vật ấy.*  *- Qua đó, nhân vật bộc lộ những nét tính cách như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -Hs trình thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II. ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN.**  **1. Nhân vật con ếch**  - Nhân vật chính trong truyện là con ếch. Nhiều chi tiết trong truyện kể về cuộc sống, suy nghĩ, hành động…của nhân vật:  *+ “Cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ”.*  *+ “Cứ tiếng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể”.*  *+ “Khi ra ngoài, quen thói cũ, nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp”.*  => Tính cách của nhân vật: kiêu ngạo, huênh hoang, hống hách, coi mình là nhất, xem thường mọi sự vật, tự coi mình là vị chúa tể. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo nhóm **phiếu học tập số 03**  **Kĩ thuật Khăn trải bàn.**  GV giao cho 4 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:    *- Bối cảnh câu chuyện trong văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách và làm nổi vật ý nghĩa của truyện như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời theo nhóm sau khi thống nhất các ý kiến riêng của các cá nhân trong nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời, HS khác nghe nhận xét, góp ý bổ sung hoàn thiện câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhậnxéttháiđộvà kếtquả làmviệccủa HS.  -Chuẩn kiến thức&chuyển dẫn sangmục | **2. Bối cảnh của câu chuyện:**  **\* Bối cảnh câu chuyện xoay quanh cuộc sống và suy nghĩ của ếch khi ở trong giếng và khi ra ngoài giếng.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bối cảnh câu chuyện** | **Ếch khi ở trong đáy giếng** | **Ếch khi ra**  **ngoàigiếng** | | **Hoàn cảnh sống** | “*sống lâu ngày trong một cái giếng”, “xung quanh chỉ vài con nhái, cua ốc nhỏ*”; tiếng kêu của ếch khiến các con vật kinh hãi.  =>Nhỏ bé, chật hẹp | sau một trận mưa to, nước trong giếng  dềnh lên, tràn bờ  , đưa ếch ta ra ngoài.Thay đổi  (rộng lớn hơn)  ->Bị động do  khách quan | | **Suy nghĩ, nhận thức** | Bầu trời bé bằng cái vung, ếch tưởng mình là một vị chúa tể | Chưa thay đổi,  vẫn nghĩ mình  là chúa tể | | **Hành động, thái độ** | Cất tiếng kêu ồm ộp, vang động làm các con vật trong giếng hoảng sợ | Nghênh ngang  đi lại khắp nơi,  cất tiếng kêu ồm ộp, nhâng nháo nhìn  bầu trời. =>  nhân hoá | | **Nhận xét/**  **kết quả** | =>Môi trường hạn hẹp dẫn đến nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo, ngộ nhận về mình | Bị con trâu dẫm  bẹp.  =>Chủ quan  kiêu ngạo sẽ  phải trả giá  đắt bằng tính  mạng. |   **\* Ý nghĩa của bối cảnh truyện:**  **- Giúp nhân vật bộc lộ tính cách:**  + kiêu ngạo, huênh hoang, xem thường mọi vật.  + suy nghĩ thiển cận; cái nhìn hạn hẹp, không chịu mở mang hiểu biết của bản thân.  **- Làm nổi bật ý nghĩa của câu chuyện:**  + phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà tự cao tự đại, huênh hoang;  + khuyên nhủ mọi người phải nỗ lực không ngừng để mở rộng tầm nhìn và hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Từ truyện này, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  **Kĩ thuật Think – Pair – Share**  **B1: Think (Nghĩ):** HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.  **B2: Pair (Bắt cặp):**HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có.  **B3:Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.  (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **3. Bài học**  - Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Sự thiếu hiểu biết kết hợp với thói kiêu ngạo, huênh hoang không chỉ dạn nứt những mối quan hệ tốt đẹp mà còn dễ dẫn đến thất bại cho bản thân, thậm chí có thể trả giá bằng cả tình mạng.  - Nếu không biết tường tận, thấu đáo về sự vật, hiện tượng hay một vấn đề nào đó thì không nên đáng giá chủ quan,hồ đồ.  - Thế giới vốn rất rộng lớn, phong phú và nhiều điều bí ẩn mà dù cả đời vẫn chưa chắc đã tìm hiểu, khám phá được hết. Do đó để mở mang vốn hiểu biết của bản thân, chúng ta cần khiêm tốn, học hỏi không ngừng. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện “Ếch ngồi đáy giếng”.*  *2) Rút ra cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng nhân vật hết sức gần gũi với đời sống.  - Các sự kiện hài hước, độc đáo khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.  - Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  **2. Nội dung:**  Văn bản *Ếch ngồi đáy giếng* đem đến bài học về cách sống cho mỗi người: không nên chủ quan, kiêu ngạo coi thường người khác, cố chấp, suy nghĩ thiển cận, không chịu mở mang nhận thức của bản thân.  **3. Cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**  - Đọc kĩ văn bản để xác định được các sự kiện chính của truyện được kể.  - Nhận diện hình tượng nhân vật chính;  - Đi sâu tìm hiểu lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,…của các nhân vật được thể hiện trong truyện.  - Phát hiện bài học mà truyện muốn gửi gắm  - Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình

- Kỹ thuật: Động não.

**\*Nhiệm vụ 1**:**Trắc nghiệm củng cố**

GV tổ chức trò chơi *Hái táo may mắn*

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**GV phổ biến luật chơi: Một quả táo trên cây tương đương với một câu hỏi trắc nghiệm. HS trả lời đúng thì quả táo sẽ rơi xuống và đạt được điểm tốt của GV.**

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?**

1. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.
2. **Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.**
3. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.
4. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

**Câu 2. Mục đích của truyện ngụ ngôn là gì?**

A. Phản ánh cuộc sống.

B. Tố cáo xã hội.

**C. Khuyên nhủ, răn dạy con người**

D. Gây cười.

**Câu 3. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thuộc thể loại nào sau đây:**

1. Truyện cổ tích
2. Truyện cười
3. **Truyện ngụ ngôn**
4. Truyền thuyết

**Câu 4: Trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?**

1. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.
2. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.
3. **Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.**
4. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

**Câu 5:** T**rong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, chúng ta thấy ếch là kẻ thế nào?**

1. Hiểu biết hạn hẹp
2. Hoà đồng với các loài vật xung quanh
3. **Hiểu biết nông cạn, kiêu ngạo**
4. Hiểu biết hạn hẹp nhưng sống thân thiện.

**Câu 6: Nét nghệ thuật của truyện *Ếch ngồi đáy giếng* là:**

1. Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.
2. Cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên, đặc sắc.
3. Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.
4. **Tất cả các đáp án trên**

**Câu 7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?**

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

**D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp.**

**Câu 8. Truyện Ếch ngồi đáy giếng phê phán điều gì?**

1. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.
2. **Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.**
3. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.
4. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.

**Câu 9. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* khuyên chúng ta điều gì?**

**A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.**

B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.

D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

**Câu 10. Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* thường được dùng chỉ điều gì?**

**A.** Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.

B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.

C**. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.**

C. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

\***Nhiệm vụ 2**: **Nhận biết các yếu tố của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng***

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**HS thảo luận theo cặp đôi và hoàn thành bảng sau (phiếu học tập 05)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các dấu hiệu cần xem xét** | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố truyện ngụ ngôn trong Ếch ngồi đáy giếng** |
| **Đề tài** |  |
| **Sự kiện, tình huống** |  |
| **Cốt truyện** |  |
| **Nhân vật** |  |
| **Bối cảnh (Không gian, thời gian)** |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các cặp đôi thảo luận về các yếu tố của truyện ngụ ngôn trong *Ếch ngồi đáy giếng* (thời gian: 5 phút)

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Gọi đại diện một số cặp đôi.

**Bước 4.GV đánh giá, chuẩn kiến thức.**

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các dấu hiệu cần xem xét** | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố truyện ngụ ngôn trong *Ếch ngồi đáy giếng*** |
| **Đề tài** | Bài học về cách nhìn nhận sự vật |
| **Sự kiện, tình huống** | Bị nước đẩy lên mặt đất, con ếch lâu năm ngồi đáy giếng vẫn vênh váo, tự phụ, xem bầu trời bằng cái vung và mình là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm bẹp ->tình huống bộc lộ tác hại vì sự ngộ nhận của bản thân. |
| **Cốt truyện** | Cốt truyện xoay quanh sự kiện thay đổi môi trường sống của ếch nhằm đưa ra bài học về tính cách, về tinh thần học hỏi. |
| **Nhân vật** | ếch (loài vật) |
| **Không gian, thời gian** | - Không gian: trong giếng và ngoài giếng.  - Thời gian: sống lâu ngày, hằng ngày, một hôm (không cụ thể) |

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

-KĨ thuật: Động não.

**Cách 1: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

? Sưu tầm một số văn bản truyện ngụ ngôn và tranh ảnh hoạt hình minh hoạ cho các truyện ngụ ngôn? Bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn đó?

**HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu

+ HS ghi chép kết quả sưu tầm của mình theo mẫu bảng tổng hợp vào sổ tay “Năng nhặt chặt bị”.

**SỔ TAY “NĂNG NHẶT CHẶT BỊ” – BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên truyện sưu tầm được** | **Tranh ảnh, tư liệu liên quan** | **Bài học cuộc sống được rút ra** |
| 1 | *Ve và kiến* (bản dịch thơ của Nguyễn Văn Vĩnh) | Phim hoạt hình *Ve và kiến*; một số bản dịch khác. | - Làm việc gì cũng phải có kế hoạch và kiên trì thực hiện kế hoạch đó.  - Chăm chỉ, cần cù, biết tiết kiệm lo xa cho tương lai phòng khi ốm đau, bệnh tật, già yếu |
| 2 | …….. |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày kết quả (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Cách 2: Thể hiện cảm nhận về các truyện đã học, đã đọc bằng cách vẽ tranh minh hoạ và kể lại truyện bằng tranh.**

**Bài tập nhóm (Về nhà):**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ. Lớp chia 4 nhóm. Các nhóm tự chọn một trong hai bài tập.**

- **BT1:** Vẽ tranh minh hoạ một câu chuyện và kể lại câu chuyện theo tranh.

- **BT2:** Tự lên kịch bản, đóng vai diễn lại một câu chuyện ngụ ngôn đã học, đã đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm hoàn thành sản phẩm vẽ tranh và kịch bản tại nhà theo phân công.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm báo cáo sản phẩm tranh vẽ hoặc diễn các cảnh truyện trong tiết học tự chọn hoặc buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm các nhóm.

**GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| -Vẽ tranh minh hoạ nội dung các văn bản truyện đã học**,** đã đọc  -Kể lại truyện theo tranh   1. **điểm)** | - Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  - Kể chưa rành mạch, rõ ràng, chưa đầy đủ chi tiết  **(5–6 điểm)** | - Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  - Kể được đầy đủ chi tiết nhưng chưa diễn cảm, chưa rút ra bài học.  **(7– 8 điểm)** | -Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  Kể chuyện diễn cảm, rút ra được bài học từ câu chuyện  **(9 - 10 điểm)** |
| Đóng vai diễn lại cảnh truyện  **(10 điểm)** | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  **(5 – 6 điểm)** | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. **(7 – 8 điểm)** | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  **(9 - 10 điểm)** |

**Cách 3: Sưu tầm các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự, liên quan đến truyện *Ếch ngồi đáy giếng***

**Bước 1.**

**\*GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

? Sưu tầm các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự, liên quan đến truyện *Ếch ngồi đáy giếng*

**\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu

+ HS ghi chép kết quả sưu tầm của mình ra giấy

**Kĩ thuật hói chuyên gia**

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật hỏi chuyên gia

- GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm

**Lưu ý:** có thể sử dụng thêm các hình ảnh (nếu cần).

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Gợi ý:**

- Ếch ngồi đáy giếng

- Coi trời bằng vung

- Con cóc nằm nép bờ ao

Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

- Thùng rỗng kêu to.

**B VĂN BẢN ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua trò chơi *Thử tài của bạn*

**c. Sản phẩm:** Phần ghép tiếng của HS theo hình ảnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

-KĨ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể kết hợp nhiều cách:  **\*Cách 1:** Khơi gợi vấn đề cho HS trình bày:  **Câu 1:***Kể một câu chuyện (em đọc được, nghe được hoặc tự mình trải qua) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, nhìn hình và kể theo hình ảnh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ, trình bày cởi mở,  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắtđể kết nối hình ảnh và lời kể chuyện của HS xem đã phù hợp chưa. Khen thưởng cho những em nhớ được truyện và có đọc truyện nhiều lần, nhớ tình tiết truyện, có giọng kể truyền cảm.  **\*GV dẫn vào bài:** *Các em ạ, mỗi câu chuyện ngụ ngôn đều mang đến những thông điệp, bài học, những giá trị đạo đức vô cùng đáng quý, giúp ta có nhận thức đúng đắn và phát huy tư duy để trưởng thành. Mỗi câu chuyện trong bài học hôm nay sẽ mang đến cho chúng ta một nhận thức sâu sắc về cuộc sống. Truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường” sẽ mang đến cho chúng ta bài học thú vị gì?* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn, tục ngữ, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các chi tiết thể hiện tính cách nhân vật, bối cảnh của truyện và ý nghĩa của bối cảnh trong việc xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện : “ *Đẽo cày giữa đường”*

- Thấy được những đăc sắc nghệ thuật trong việc xây nhân vật, bối cảnh truyện.

+ Rút ra được bài học của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu đặc điểm truyện “*Đẽo cày giữa đường”*** | **Trả lời** |
| *Thể loại* | …. |
| *Hình thức kể:* | …. |
| *Nhân vật chính:* | …. |
| *Ngôi kể* | …. |
| *Bố cục* | **….** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

*(Tìm hiểu những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Người góp ý*** | ***Nội dung góp ý*** | **Cử chỉ, hành động, ý nghĩ của người thợ mộc** |
| Thứ nhất:… | … | … |
| Thứ hai:… | … | … |
| Thứ ba:… | … | … |
| Kết quả của việc đẽo cày | ….. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu Hs trình bày phiếu học tập số 1 đã chuẩn bị ở nhà.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS chuẩn bị phiếu học tập ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS trình bày  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **-**GV yêu cầu HS nhận xét.  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Tìm hiểu chung**  **-Thể loại:** Truyện ngụ ngôn.  - **Hình thức**: Văn xuôi.  - **Nhân vật chính:** Người thợ mộc  **- Ngôi kể** : Ngôi thứ ba  **- Bố cục** : 3 phần  + Phần 1 (Đoạn 1): Bối cảnh của truyện.  + Phần 2 (Đoạn 2): Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc.  + Phần 3 (Đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày giữa đường.  **- Tình huống truyện**  - Một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán..  - Mỗi lần có khách ghé vào và góp ý về việc đẽo cày, anh ta đều làm theo.  - Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cá nhân.  *Nêu bối cảnh của câu chuyện “Đẽo cày giữa đường”(Câu chuyện lấy bối cảnh trong không gian ở đâu và trong thời gian nào)?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời, HS khác nghe nhận xét, góp ý bổ sung hoàn thiện câu trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-**GV yêu cầu HS nhận xét.  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **1. Hoàn cảnh của người thợ mộc**  - Người thợ mộc dốc hết vốn liếng ra để mua gỗ để làm nghề đẽo cày => là sự kiện chính của câu chuyện.  - Bối cảnh truyện:  + Không gian: Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại.  + Thời gian: cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm Mảnh ghép:  **Vòng 1:** Hoàn thành Phiếu học tập 02 theo 04 nhóm: (5 phút)  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi; chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ; thảo luận theo nhóm  *+ Có mấy người góp ý về việc đẽo cày?*  *+ Nêu những nội dung góp ý.*  *+ Trước những lời góp ý về việc đẽo cày, người thợ mộc đã có những hành động như thế nào?*  *+ Người thợ mộc đã phải chịu hậu quả như thế nào?*  **Vòng 2:**GV chia nhóm mới – nhóm mảnh ghép. (05 phút)  - Chia sẻ kết quả vòng chuyên gia  - Thảo luận trả lời câu hỏi:  *1) Vì sao người thợ mộc lại phải chịu hậu quả: “Vốn liếng đi đời nhà ma.”?*  *2)Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?*  (Gợi ý: Em sẽ cảm ơn những người đã cho lời khuyên. Sau đó tự mình tìm hiểu, suy xét kĩ về loại cày mà mọi người hay sử dụng và loại cày nào sẽ dễ dàng để bán).  - GV nêu câu hỏi phụ gợi ý:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-**GV yêu cầu HS nhận xét.  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Những lần góp ý và hành động của người thợ mộc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Người góp ý** | **Nội dung góp ý** | **Cử chỉ, hành động, ý nghĩ của người thợ mộc** | | Thứ 1 | - Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày. | - Cho là phải\_  -> đẽo.  ->cày vừa to vừa cao. | | Thứ 2 | - Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày. | - Cho là “có lí” (là phải), ->liền đẽo.  ->cày vừa nhỏ, vừa thấp. | | Thứ 3 | - Đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được. | - Nghe nói được nhiều lãi,  ->Đẽo hết số gỗ còn lại loại cày để voi cày | | Kết quả: Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch. | | |   **- Đặc điểm tính cách nhân vật người thợ mộc:**  - Hành động của nhân vật: Mỗi người góp một ý, anh thợ mộc **đều làm theo một cách mù quáng,** mà **không có chính kiến** để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào.  =>Đặc điểm nhân vật:  + Thiếu kiến thức.  + Dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.  + Không biết kết hợp giữa ý kiến góp ý của mọi người với suy nghĩ của chính mình để cân nhắc, lựa chọn.  =>Hậu quả: *“Vốn liếng đi đời nhà ma.”* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận nhóm 3 phút: kĩ thuật khăn trải bàn.**  - GV giao cho 4 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1) Từ truyện này, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  *2) Ý nghĩa chính của thành ngữ“Đẽo cày giữa đường” là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:  *Những người làm việc nhưng không có chính kiến riêng của bản thân, chuyên nghe người khác nói rồi tin và làm theo, cuối cùng không đạt được kết quả như mong đợi.+ Cần có chính kiến riêng; cần phải có ý thức tiếp thu, lắng nghe ý kiến của người khác nhưng phải biết chọn lọc, không làm theo một cách thiếu hiểu biết, mù quáng...* | **3. Bài học**  **\* Bài học từ câu chuyện:**  - Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình.  - Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn.  **\* Ý nghĩa chính của thành ngữ***“Đẽo cày giữa đường”:* hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện “Đẽo cày giữa đường”.*  *2) Rút ra cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.  **GV lưu ý HS về cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**  - Đọc kĩ văn bản để xác định chủ đề của truyện;  - Nhận diện hình tượng nhân vật chính;  - Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện để từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp được gửi gắm qua Vb, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.  - Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm.  - Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.  - Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  - Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.  **2. Nội dung:**  - Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố nội dung của 2VB.

**b. Nội dung**: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

-KĨ thuật: Động não.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời.

**BÀI TẬP:** Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau của 3 VB truyện ngụ ngôn bằng cách hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Nội dung** |
| *Giống* |  |
| *Khác* | *+ "Đẽo cày giữa đường":* |
| *+ "Ếch ngồi đáy giếng":* |

\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Nội dung** |
| *Giống* | Đều là những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội. |
| *Khác* | + "*Đẽo cày giữa đường":* khuyên nhủ con người cần phải có hiểu biết và chính kiến, không được mù quáng. |
| + "*Ếch ngồi đáy giếng":* Phê phán thói huênh hoang, khuyên nhủ con người phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-**HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện nhóm HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-**GV nhận xét câu trả lời của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

**a. Mụctiêu**:HS vận dụngkiến thứcbài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

-KĨ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):  **Bài tập :Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường" hoặc "ếch ngồi đáy giếng".**  Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:   * ***Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến thành ngữ "đẽo cày giữa đường". * ***Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải có thành ngữ "đẽo cày giữa đường" được sử dụng một cách phù hợp.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS lên trình bày.  -HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.  - Cho điểm hoặc phát thưởng. |  |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Có một lần, em và mẹ đi chợ để chọn những chiếc váy xòe xếp li cho em. Những chiếc váy có rất nhiều màu sắc: nào là màu hồng, màu xanh, màu đỏ,... Em chỉ được chọn hai chiếc nên phân vân mãi. Cô bán hàng thì bảo em chọn một cái màu đỏ và một cái màu xanh. Một chị cũng đến chọn váy bảo, em nên chọn cái màu be và màu hồng. Mỗi người một ý, em không biết phải nghe theo ai. Mẹ đã bảo em đừng như đẽo cày giữa đường, phải có chính kiến của mình. Vậy là em đã chọn được hai chiếc váy mà mình thích, chúng có màu hồng và màu xanh.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường" |  |  |
| **3** | Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

*- Hoàn thành các bài tập.*

*-Nắm được nội dung, ý nghĩa của văn bản.*

*-Chuẩn bị bài: Soạn bài “ Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người xã hội”*

*+ Đọc văn bản*

*+Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài( SGK/9)*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***20/1/2024***  ***22/1/2024*** | ***20/1/2024***  ***22/1/2024*** |
| ***7/1/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***1/4*** | ***2/2*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 6.**  **TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**  **TIẾT 76, 77**  **ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI (1)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm tục ngữ.

- Nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của những câu tục ngữ trong bài học.

- Sưu tầm một số câu tục ngữ về con người, xã hội.

**2. Năng lực:**

***a. Năng lực chung:*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

***b. Năng lực chuyên biệt:***

- Đọc - hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động con người và xã hội vào đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quý, trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm, bài học hay, phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị**: Máy chiếu,ti vi

**2.Học liệu:** Tư liệu về tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người xã hội.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm, sưu tầm được nhiều câu tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về tục ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Phương pháp : Vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm.

-Kĩ thuật : Động não

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày (GV khơi gợi để HS nói được những nội dung có thể kết nối với VB đọc):  GV tổ chức cuộc thi cho HS: Chia lớp thành 2 nhóm. Tổ chức trò chơi: TIẾP SỨC  Bằng cách trong 3 phút, nhóm nào viết được nhiều câu tục ngữ hơn nhóm đó sẽ chiến thắng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm sẽ đọc những câu tục ngữ nhóm mình viết được.  - GV chú ý hướng dẫn HS công bố kết quả thảo luận, nhóm nào viết được nhiều sẽ dành phần thắng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắtđể kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **- GV dẫn vào bài:** *Tục ngữ đượcnhân dân talưu truyền trong đời sống từ bao đời nay.Giống như một kho tàng trí tuệ dân gian vô cùng quý giá, việc sử dụng tục ngữ đã giúp cho lời ăn tiếng nói thêm sâu sắc, sinh động, có tính biểu cảm cao. Để hiểu rõ hơn về tục ngữ, hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu văn bản: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động, con người và xã hội.* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại tục ngữ, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Giúp HS tìm hiểu đặc sắc về hình thức và nội dung, ý nghĩa, bài học của các câu tục ngữ; rút ra đặc điểm của tục ngữ.

- Bồi dưỡng cho các em tình yêu, sự trân trọng những kinh nghiệm và lời khuyên dạy sâu sắc của dân gian.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

(Tìm hiểu hình thức tục ngữ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Số tiếng | Gieo vần | | Nhịp |
| Vần lưng | Vần cách |  |
| *1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.* | 8 | *nắng, vắng* |  | 4/4 |
| *2. Mưa tháng Ba hoa đất,*  *Mưa tháng Tư hư đất.* |  |  |  |  |
| *3. Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.* |  |  |  |  |
| *4. Tấc đất, tấc vàng.* |  |  |  |  |
| *5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.* |  |  |  |  |
| *6. Cái răng, cái tóc là góc con người.* |  |  |  |  |
| *7. Một mặt người bằng mười mặt của.* |  |  |  |  |
| *8. Thương người như thể thương thân.* |  |  |  |  |
| *9. Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.* |  |  |  |  |
| *10. Học ăn, học nói, học gói, học mở.* |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu tục ngữ số….** | |
| Nội dung |  |
| Nghệ thuật |  |
| Bài học |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc:  + Chú ý đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, chậm giãi, âm lượng vừa phải, dễ nghe; chú ý vần lưng, ngắt nhịp ở về đối trong các câu hoặc phép đối giữa hai câu.  + Trong quá trình đọc, các em cần chú ý các thẻ chiến lược đọc bên phải để nhận diện nhanh các chủ đề và đặc điểm chung về hình thức (số dòng, số tiếng, nhịp, vần) của các câu tục ngữ.  + Chú ý phần chú thích ở chân trang.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-GV yêu cầu học sinh trả lời: Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ?*  *-Em hãy nêu những nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ?*  *-* GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **-**Hs độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV yêu cầu học sinh nhận xét, bổ sung.  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Tìm hiểu chung**  **- Chủ đề:**  **+ Tục ngữ** đúc kết kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất (câu 1 đến câu 5)  + Tục ngữ đúc kết kinh nghiệm về đời sống con người và xã hội (câu 6 đến câu 10).  **- Hình thức:** ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu, có hình ảnh.  **- Từ khó**  + *Mau*: nhiều, dày.  + *Cần*: cần cù, chăm chỉ.  + *Ăn cơm nằm*: sự nhàn nhã, thảnh thơi  + *Ăn cơm đứng:* chỉ sự tất bật, hối hả. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thầm các câu tục ngữ và thảo luận nhóm (cặp bàn) các câu hỏi theo **Phiếu học tập số 1**:  *1) Nhận xét về số lượng tiếng, vần, nhịp…của các câu tục ngữ trong văn bản. Từ đó, đưa ra nhận xét chung* về hình thức của tục ngữ.  Gợi ý cụ thể:  - Em đếm số tiếng trong mỗi câu.  - *Trong 10 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?*  *2) Từ việc tìm hiểu ở trên em hãy rút ra nhận xét: Tục ngữ là loại sáng tác như thế nào? Do ai sáng tác? Chúng có đặc điểm hình thức ra sao?* (Theo dõi những đặc điểm vừa phân tích ở trên; tham khảo *Kiến thức Ngữ văn* SGK tr.3)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhậnxéttháiđộvà kếtquả làmviệccủa một số cặp tiêu biểu, chỉ ranhữngưuđiểmvàhạn chế tronghoạt động nhóm củaHS.  -Chuẩn kiến thức&chuyển dẫn sangmục 2. | **II. ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **1. Đặc điểm hình thức**  **1.1. Số tiếng:**  - Mỗi câu tục ngữ có số lượng tiếng không nhiều. Có câu chỉ có 6 đến 8 tiếng, có câu chỉ có 4 tiếng.  - Nhận xét chung: thể hiện sự đúc kết cô đọng, hàm súc, dễ nhớ.  **1.2. Gieo vần, nhịp:**  Tất cả 10 câu tục ngữ đều gieo vần lưng hoặc vần cách. Cụ thể:  **1.** *Mau sao thì***nắng, vắng***sao thì mưa.* **(**vần lưng **“nắng, vắng”,** nhịp 4/4).  **2.** Mưa tháng**Ba hoa** đất,  *Mưa tháng***Tư hư** *đất.*  **(**vần lưng “**Ba, hoa”,“Tư, hư**”, nhịp 4/4).  **3.** Nhất nước, nhị**phân,** tam**cần,** tứ giống**.**  **(**vần cách **“phân, cần”,** nhịp 2/2/2/2).  **4. Tấc** *đất,* **tấc** *vàng***. (**vần cách **“Tấc, tấc”**, nhịp 2/2).  **5.** *Nuôi lợn ăn cơm***nằm***, nuôi***tằm***ăn cơm đứng.*  (vần cách **“nằm, tằm”,** nhịp 5/5).  **6.** *Cái răng, cái***tóc***là* **góc***con người.*(vần cách **“tóc, góc**”, nhịp 2/2/4).  **7.** *Một mặt***người** *bằng***mười***mặt của.* **(vần cách “người, mười”,**nhịp 3/4).  **8. Thương người như thể thương thân.** (vần cách **“thương, thương”,** nhịp 2/2/2).  **9.** *Một cây làm chẳng nên* ***non***  *Ba cây chụm lại nên* ***hòn*** *núi cao.*  **(**vần cách **“non, hòn”,** nhịp 6/8).  10. Học ăn, học **nói**, học**gói**, học mở. **(**vần cách **“nói, gói”,** nhịp 2/2/2/2).  **\*Tác dụng:**Vần và nhịp trong các câu tục ngữ như một chất keo gắn chặt các thành phần trong câu thành một khối vững chắc, tạo nên tính ổn định về hình thức, phù hợp với tính ổn định về nội dung của tục ngữ. |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm các câu TN, sau đó tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi trong **Phiếu học tập số 2**. Có thể cho mỗi nhóm thực hiện một chủ đề. GV gợi ý:  **\*Nhiệm vụ 1:** Thảo luận để hoàn thành Phiếu HT số 2 với những gợi ý sau:  1) *Câu tục ngữ đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu nội dung được đề cập ấy như thế nào?*  2) *Chỉ ra hình thức thể hiện của những câu tục ngữ có gì độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, cấu trúc, phép tu từ, ở mỗi câu được thể hiện một cách trực tiếp, hay có tính chất ẩn dụ.*  *3) Từ đó, hãy rút ra ý nghĩa bài học của từng câu.*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện từng nhiệm vụ theo phân công của nhóm.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS từng nhóm lần lượt lên trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhậnxéttháiđộ trong quá trình làm việccủaHS, chốt ý, bổ sung:  - GV chuyển nội dung b. | **2. Ý nghĩa, bài học**  **2.1. Các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động**(từ câu 1 đến câu 5)  *1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.*  - Nội dung: dự báo thời tiết nhờ vào việc quan sát sao trên trời. Vào đêm hôm trước, khi quan sát trời nhiều sao (*mau sao)* thì ngày hôm sau sẽ nắng; trời ít sao (*vắng sao)* sẽ mưa.             .     * Nghệ thuật   + Phép đối: *mau - vắng, nắng - mưa*     + Sử dụng vần lưng: *nắng - vắng*  =>Giúp dễ nhớ đối với kinh nghiệm quan sát về nắng, mưa thông qua hiện tượng thiên nhiên.  - Ý nghĩa: nhìn sao để dự đoán thời tiết mưa nắng, sắp xếp công việc. Đây là kinh nghiệm để đoán nắng mưa, liên quan trực tiếp đến công việc sản xuất nông nghiệp và mùa màng.  *2. Mưa tháng Ba hoa đất,*  *Mưa tháng Tư hư đất.*  - Nội dung: Hiện tượng thời tiết mưa vào tháng Ba, tháng Tư tác động đến mùa màng, đất đai nông nghiệp  - Nghệ thuật:  + vần lưng “*Ba, hoa”, “Tư, hư”,*  + phép đối*: hoa đất- hư đất,* chia 2 vế nhịp nhàng, cân xứng  => nhấn mạnh cơn mưa của tháng Ba và tháng Tư có ảnh hưởng lớn đến nông vụ.  *-* Ý nghĩa bài học:Kinh nghiệm trồng trọt được cha ông đúc kết qua câu tục ngữ: thường đến tháng Ba âm lịch hoa màu rất cần nước nên cơn mưa lúc này rất có ích. Ngược lại đến tháng Tư, cây trồng đang trong quá trình phát triển, cần ít nước nên những cơn mưa tháng Tư sẽ làm hư đất, hư cây trồng.  + Khi trồng trọt cần chọn thời điểm gieo trồng cho phù hợp với thời tiết để có năng xuất cây trồng.  *3. Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.*  *-* Nội dung: Khẳng định bốn yếu t*ố*: *nước, phân, cần, giống* có vai trò quan trọng quyết định năng suất lúa nước*.*  -Nghệ thuật:  + vần cách **“***phân, cần”,*nhịp 2/2/2/2;  + liệt kê các yếu tố của nghề trồng lúa ->Nghề trồng lúa cần có đủ bốn yếu tố: *nước, phân, cần, giống.* Trong đó yếu tố quan trọng hàng đầu là nước.  - Ý nghĩa: Kinh nghiệm được người xưa đúc kết về nghề trồng lúa, đảm bảo bốn yếu tố cần thiết và quan trọng thì lúa tốt, mùa màng bội thu.  *4. Tấc đất, tấc vàng.*  - Nội dung: Đề cao vai trò, giá trị của đất đai trong sản xuất nông nghiệp.  *“tấc”* là đơn vị đo lường người xưa thường sử dụng.“*vàng*” chính một kim loại quý giá, có giá trị kinh tế rất cao.  - Nghệ thuật:  + vần cách **“***Tấc, tấc***”**, nhịp 2/2, chia2 vế cân xứng hài hòa;  +so sánh “*tấc đất”* với “*tấc vàng*” để thấy được tầm quan trọng của đất đai.  - Ý nghĩa:Khẳng định một chân lí đất đai quý như vàng, đất đai trồng trọt có giá trị đặc biệt  =>khuyên nhủ mọi người phải biết quý trọng, có ý thức giữ gìn, bảo vệ, không được phá hoại, lãng phí đất đai.  *5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng*  - Nội dung: Sự vất vả của nghề nuôi tằm, sự nhàn hạ của nghề nuôi lợn.  - Nghệ thuật:  + vần cách*“nằm, tằm”,*nhịp 5/5.  + Phép đối giữa công việc nuôi lợn và việc nuôi tằm. Người nuôi lợn nhàn nhã, không quá tất bật, hối hả nên có thời gian thảnh thơi*(ăn cơm nằm*). Ngược lại, nuôi tằm đòi hỏi nhiều công chăm sóc, người nuôi luôn phải túc trực bên nong tằm nên người nuôi bận bịu, hối hả cả ngày (*ăn cơm đứng)*.  => làm rõ sự vất vả của nghề nuôi tằm và sự nhàn hạ của việc nuôi lợn  - Kinh nghiệm:  + Phản ánh sự thấu hiểu nỗi vất vả của người nông dân, trân trọng những sản phẩm nông nghiệp do chính công sức của họ tạo nên.  **=> Những kinh nghiệm ấy có vai trò quan trọng đối với người lao động trong việc xác định, dự đoán thời tiết,thời vụ thích hợp để nuôi trồng, cũng như bảo vệ, quý trọng đất đai.** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ.**  **Thảo luận nhóm 3 phút: kĩ thuật khăn trải bàn.**  - GV giao cho 5 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:    **Nội dung thảo luận:**  Nhiệm vụ riêng: *phiếu học tập số 2, mỗi nhóm 1 câu tục ngữ theo sự phân công của GV ở tiết học trước để HS về nhà chuẩn bị.*  *(Nhóm 1,2,3,4,5 lần lượt thực hiện nhiệm vụ thảo luận về các câu tục ngữ 6,7,8,9,10)*  *- Nhóm 1: câu số 6*  *- Nhóm 2: câu số 7*  *- Nhóm 3: câu số 8*  *- Nhóm 4: câu số 9*  *- Nhóm 5: câu số 10*  Nhiệm vụ chung: *Các câu tục ngữ về con người, xã hội muốn nhắn gửi mọi người điều gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2.2. Các câu tục ngữ về con người và xã hội** (từ câu 6 đến câu 10).  *6. Cái răng, cái tóc là góc con người.*  - Nội dung: đề cao tầm quan trọng của ngoại hình trong việc thể hiện một phần tính cách con người.  - Nghệ thuật:  + vần cách **“**tóc, góc”, nhịp 2/2/4  + so sánh: *Cái răng, cái tóc là góc con người.*  + “*Cái răng, cái tóc*” đều là những bộ phận trên cơ thể con người. Thể hiện vẻ đẹp ngoại hình của con người.  + “*Góc con người*”: là tính cách, phẩm chất làm nên con người.  =>Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chăm chút ngoại hình bên ngoài thể hiện đến tính cách bên trong.  - Bài học: Câu tục ngữ muốn nhấn mạnh tới việc, con người phải biết chú ý đến vẻ bên ngoài của mình, biết quan tâm, chăm sóc bản thân mình từ những thứ nhỏ bé như vậy. Đó cũng là yếu tố để khẳng định tính cách của mình.  *7. Một mặt người bằng mười mặt của.*  - Nội dung: đề cao giá trị của con người  - Nghệ thuật  + vần cách “*người, mười”,*nhịp 3/4  *+“Một mặt người*” là cách nói hoán dụ dùng bộ phận để chỉ toàn thể, ý muốn chỉ con người nói chung.  +“*Mười mặt của*”: của ở đây là của cải, vật chất. Vậy nên “mười mặt của” ý nói đến số của cải rất nhiều.  =>Tác giả dân gian vừa dùng hình thức so sánh (bằng), vừa dùng hình thức đối lập giữa đơn vị chỉ số lượng ít và nhiều (một - mười). So sánh, nói quá nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của tính mạng con người, đồng thời khuyên người ta hãy biết quý trọng mạng sống.  Bài học: Câu tục ngữ khuyên mọi người hãy yêu quý, tôn trọng và bảo vệ con người, không để của cải che lấp con người.  *8. Thương người như thể thương thân.*  - Nội dung: câu tục ngữ nói về tư tưởng đạo lý tình yêu thương con người, tinh thần tương thân tương ái.  - Nghệ thuật: so sánh  - Bài học: Câu tục ngữ khuyên răn mọi người phải có lòng thương người, yêu thương đồng loại như yêu thương chính bản thân mình. Hãy thương yêu, chăm sóc, thông cảm và chia sẻ vui buồn, hoạn nạn với người khác như chính mình vậy  *9. Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  *- Nội dung: câu tục ngữ nói về vai trò của tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng trong cuộc sống.*  - Nghệ thuật:  + sử dụng thể thơ lục bát, vần cách **“***non, hòn”,*  + Ẩn dụ: dùng hình ảnh thiên nhiên: “*một cây, ba cây, hòn núi cao*” để nói chuyện con người. Một cây đơn lẻ không làm thành rừng núi nhưng nhiều cây gộp là sẽ thành rừng rậm, núi cao. Từ đó, câu tục ngữ khẳng định sức mạnh của tập thể, cộng đồng, của tinh thần đoàn kệt của con người trong cuộc sống xã hội.   * Bài học: Khuyên nhủ mỗi người cần phải biết đoàn kết để tạo thành sức mạnh, tránh lối sống cá nhân, đơn lẻ, thiếu liên kết.   *10. Học ăn, học nói, học gói, học mở.*  - Nội dung: câu tục ngữ nói về những điều căn bản trong cuộc sống mà người ta phải học để có được cách ăn ở, giao tiếp, cách đối nhân xử thế làm sao cho lịch sự, tế nhị, văn minh. - Nghệ thuật:  +vần cách **“***nói, gói”,*nhịp 2/2/2/2  + liệt kê, điệp từ “*học”*  =>Bài học: Nhằm khuyên mọi người phải biết cách ăn uống cho thanh lịch, học cách nói năng cho nhã nhặn và học cách ứng xử khô khéo, đúng mực.  **\* Bài học chung: các câu tục ngữ về con người và xã hội :**  **+ đề cao giá trị con người;**  **+ khuyên răn mọi người phải biết sống yêu thương, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau;**  **+ khuyên nhủ chúng ta cần phải có tinh thần vượt khó, giữ vững ý chí, quyết tâm trong mọi công việc thì ắt sẽ thành công.** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **(PP Vấn đáp):**  **-** GV yêu cầu HS đọc lại toàn bài và sử dụng phương pháp đàm thoại để kích thích khả năng suy nghĩ của HS về vấn đề:  *Theo em, các câu tục ngữ trên có còn hữu ích với cuộc sống ngày nay không? Hãy nêu một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và một câu tục ngữ về con người, xã hội mà em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày* nay  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhậnxéttháiđộ trong quá trình làm việcvà kếtquả làmviệccủa HS.  - GV chuyển sang phần tổng kết. | **3. Giá trị sử dụng**  ***-*** Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững.  - Sở dĩ, con người thời hiện đại với điều kiện sống khác xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tố bền vững đó.  - Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên câu: *“Người sống hơn đống vàng”* chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy câu: *“Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”* vẫn còn nguyên giá trị. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân:  *1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*  *2) Nêu thông điệp ý nghĩa của VB.*  *3) Em rút ra bài học gì về cách đọc VB theo thể loại tục ngữ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ragiấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**   * GV chuẩn kiến thức. | **III TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Ngắn gọn, nhịp nhàng cân đối;  - Có vần, nhịp giàu hình ảnh cụ thể, gần gũi;  - Thường dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Nhưng câu tục ngữ đã đúc kết sâu sắc những kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về cách ứng xử trong cuộc sống. Từ đó đưa ra những lời khuyên bổ ích về thời tiết, về công việc lao động, và về cách ứng xử, đạo đức làm người.  - Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân, được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày.  **3.Cách đọc VB tục ngữ**  - Đọc kĩ VB để xác định chủ đề của tục ngữ.  - Phát hiện các yếu tố đặc sắc về nghệ thuật như: ngôn ngữ, tiếng, vần, nhịp, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,..; phân tích những yếu tố đó;  - Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục, thẩm mĩ từ VB;  - Liên hệ để thấy ý nghĩa của VB đối với nhận thức và tình cảm của bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian, tiếp nhận và hiểu thêm về văn hoá dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố hiểu biết về ý nghĩa của các VB.

**b. Nội dung**: HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm**: Bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

-Kĩ thuật : Động não.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

BÀI TẬP: Đánh dấu (x) vào ô đúng hoặc sai cho mỗi nhận định ở bài tập sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nhận định | Đúng | Sai |
| **Câu 1.** Những kinh nghiệm đúc kết từ hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất đã cho thấy người dân lao động nước ta có những khả năng nào? | a. Khả năng quan sát tỉ mỉ và nhận xét chính xác để chủ động trong công việc. |  |  |
| b. Khả năng ăn nói khéo léo trong giao tiếp. |  |  |
| c. Khả năng am hiểu sâu sắc trong trồng trọt và chăn nuôi. |  |  |
| d. Khả năng lưu giữ và truyền bá kinh nghiệm làm ăn cho con cháu. |  |  |
| **Câu 2.** Tục ngữ lao động sản xuất và thiên nhiên còn có ý nghĩa gì trong cuộc sống hiện đại hôm nay? | a. Kết hợp với khoa học sẽ dự đoán chính xác hơn các hiện tượng thời tiết để chủ động mọi công việc. |  |  |
| b. Khoa học đã phát triển những kinh nghiệm đúc kết trong tục ngữ không còn phù hợp chính xác, do vậy không tận dụng được gì. |  |  |
| c. Kết hợp với khoa học kĩ thuật để không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. |  |  |
| d. Giúp chúng ta hôm nay hiểu hơn về đời sống xản xuất lao động của cha ông ngày xưa. |  |  |
| **Câu 3.** Từ những câu tục ngữ về con người và xã hội, giúp ta hiểu những quan điểm và thái độ sâu sắc nào của dân gian? | a. Dân gian đòi hỏi cao về cách sống, cách làm người. |  |  |
| b. Dân gian mong muốn con người phải luôn tu dưỡng để hoàn thiện nhân cách. |  |  |
| c. Đề cao, tôn vinh giá trị làm người. |  |  |
| d. Không yêu cầu cao, mọi người hãy tự thân phát triển nhân cách của mình. |  |  |
| **Câu 4.** Về hình thức những câu tục ngữ có gì đặc biệt? | a. Thường dùng các hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ. |  |  |
| b. Ngôn ngữ thường ngắn gọn hàm súc, các vế có cấu trúc đăng đối. |  |  |
| c. Thường có vần có nhịp dễ nhớ dễ thuộc. |  |  |
| d. Thường dùng những câu kể lại sự việc. |  |  |

\*Gợi ý đáp án:

- Câu 1 nhận định đúng là: a,c,d

- Câu 2 nhận định đúng là: a,c,d

- Câu 3 nhận định đúng là: a,b,c

- Câu 4 nhận định đúng là: a,b,c

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-**HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-**GV nhận xét, tuyên dương HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.Mụctiêu**:Giúp HS phát triển kĩ năng viết câu, đoạn.

**b. Nội dung**: HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết dùng tục ngữ.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

-Phương pháp : Vấn đáp, thuyết trình.

-Kĩ thuật : Động não

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

*? Sưu tầm một số câu tục ngữ thuộc các chủ đề về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội? Câu tục ngữ nào em yêu thích nhất? Vì sao?. Em đã vận dụng câu tục ngữ đó trong hoàn cảnh nào?*

-HS:

+ Nghe yêu cầu

+ HS ghi chép kết quả sưu tầm của mình theo mẫu bảng tổng hợp vào sổ tay “Năng nhặt chặt bị”.

**SỔ TAY “NĂNG NHẶT CHẶT BỊ” – BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động.** | **Chủ đề: tục ngữ về con người, xã hội** | **Câu tục ngữ em yêu thích. Vì sao? Em đã vận dụng câu tục ngữ đó trong hoàn cảnh nào?** |
| 1 | *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.* | *Người sống hơn đống vàng*. | Ví dụ: *Người sống hơn đống vàng*.  - So sánh->Nhấn mạnh giá trị con người còn quý hơn cả vàng. Con người cần phải biết trân trọng, bảo vệ, giữ gìn sức khoẻ, mạng sống của mình và của mọi người.  Tình huống vận dụng: Khi đến thăm bác bị ốm nặng, bác phải điều trị dài ngày, tốn kém nhiều tiền của. Để động viên bác, em nắm chặt tay bác và thì thầm: “Bác ơi! Bác cố lên ạ. Cháu rất vui vì bác đã khỏe lên rồi ạ. Bác không lo lắng gì nhé, chỉ cần bác khỏe thôi ạ, ***người sống hơn đống vàng***.” |
| 2 | …….. |  |

**Kĩ thuật Think – Pair – Share**

|  |  |
| --- | --- |
| B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.  **B2: Pair (Bắt cặp):**HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có.  **B3:Share (Chia sẻ):**HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp. | (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.

Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

*- Hoàn thành các bài tập.*

*-Nắm được nội dung, ý nghĩa của văn bản.*

*-Chuẩn bị bài: Soạn bài “Thực hành tiếng Việt”/9-10*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***24/1/2024*** | ***24/1/2024*** |
| ***7/1/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4*** | ***5*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 6.**  **TIẾT 78**  **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức.**

- Hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá và nói giảm- nói tránh; các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm- nói tránh trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**\* Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định từ địa phương.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học :** Máy chiếu, máy tính.

**2. Học liệu:** Tư liệu về biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU.**

**a. Mục tiêu**: Giúp HStạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức đểbước vào bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, so sánh, nhận xét để dẫn dắt HS vào vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời.  **?So sánh về cách diễn đạt trong 2 trường hợp của 2 câu sau:**  **\*Trường hợp thứ 1:**  *A1. Trời rét thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ thật đấy.*  *A2. Trời rét cắt da cắt thịt thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ như voi.*  **\*Trường hợp thứ 2:**  *B1. Ông ấy rất ki bo, không bao giờ cho ai cái gì đâu.*  *B2. Ông ấy vắt cổ chày ra nước, không bao giờ cho ai cái gì đâu.*  **\*Gợi ý**:  - A1, B1 diễn đạt theo cách thông thường;  - A2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ.  + GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  +Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau.  + GV nhận xét, đánh giá.  **+GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài:** *Trường hợpA2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy thì người ta gọi là nói quá. Vậy nói quá là cách diễn đạt như thế nào và có tác dụng gì thì bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a**. **Mục tiêu**:

- Giúp HS nhận biết khái niệm và hiểu tác dụng của nói quá.

- Giúp HS nhận biết khái niệm và hiểu tác dụng của nói giảm- nói tránh.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết khái niệm và tác dụng nói quá, nói giảm, nói tránh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm kiến thức ngữ văn trong SGK tr.3; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận để trả lời câu hỏi:  **\*Nhiệm vụ 1:**  1) *Nhận xét về đối tượng, tính chất, đặc điểm, quy mô thực của đối tượng so với hình ảnh được thể hiện trong thành ngữ sau:* “*Mười bảy bẻ gẫy sừng trâu” (*thành ngữ).  2) Em thích cách nói nào trong hai cách nói sau? *Việc sử dụng cách nói quá trong trường hợp sau có tác dụng gì?* (rút ra tác dụng của nói quá).  Cách 1: Anh tôi năm nay 17 tuổi, anh ấy rất khỏe.  Cách 2: Anh tôi đang ở độ tuổi *mười bảy bẻ gẫy sừng trâu.*  3) *Từ ví dụ vừa phân tích, em hiểu nói quá là biện pháp tu từ như thế nào?* (rút ra khái niệm)  **\*Nhiệm vụ 2:**  4) *Tìm thêm các VD về nói quá được sử dụng trong văn thơ?*  *5) Nói quá có gì giống và khác so với nói khoác?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Nói quá**  **a. Ví dụ:**thành ngữ “*Mười bảy bẻ gẫy sừng trâu”*nhằm khẳng định sức mạnh phi thường của tuổi thanh niên.  **b. Khái niệm:**  - Nói quá (khoang trương) là biện pháp tu từ dùng cách nói phóng đại mức độ, tính chất, của sự vật, hiện tượng được miêu tả.  **c. Tác dụng:**  - Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Nói quá** | **Nói khoác** | | Giống | Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng. | | | Khác | nhằm nhấn mạnh và tăng sức biểu cảm, tạo độ tin cậy cao.  (tác động tích cực) | làm cho người nghe tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo  (tác động tiêu cực) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm trong SGK phần kiến thức ngữ văn tr.3; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc theo nhóm bàn, thảo luận để trả lời câu hỏi:  **\*Nhiệm vụ 1:**  1) *Đọc ví dụ sau, hãy cho biết cụm từ “bỏ đi” có nghĩa là gì?*  *Tác giả lại dùng cụm từ “bỏ đi”thay thế cho cụm từ ấy có tác dụng như thế nào?*  **\*Nhiệm vụ 2:**  2) *Từ ví dụ vừa phân tích, em hiểu nói quá là biện pháp tu từ*nói giảm- nói tránh *như thế nào?* (rút ra khái niệm)  1) *Việc sử dụng cách nói giảm- nói tránh có tác dụng gì?* (rút ra tác dụng của nói quá).  2) *Tìm thêm các VD về nói giảm- nói tránh được sử dụng trong văn thơ hoặc trong sinh hoạt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **2.Nói giảm- nói tránh**  **a.** Ví dụ:  *Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình.* (Nguyễn Khải)  - Nói giảm- nói tránh: tác giả dùng từ “*bỏ đi*” để chỉ cái chết của nhân vật *đứa con*.  - Tác dụng: cách nói giảm- nói tránh ở câu này nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn khi nói về nỗi đau của người mẹ (nhân vật *chị*) trước việc mất người thân.  **b. Khái niệm:**Nói giảm- nói tránh (nhã ngữ) là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, khéo léo.  **c. Tác dụng:**nhằm tránh cảm giác quá đau buồn, nặng nề, tránh sự thô tục, thiếu lịch sự. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

**a**. **Mục tiêu**: Củng cố cho HS nhận biết nói quá, nói giảm- nói tránh và tác dụng của hai biện pháp tu từ này.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | Biện pháp tu từ nói quá | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,*  *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.* |  |  |  |
| *b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.* |  |  |  |
| *c) Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày* |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!* |  |  |  |
| *b) Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...* |  |  |  |
| *c) Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi.* |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 13, xác định yêu cầu của bài:  **Bài tập 1/tr.9.**Xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu dưới đây. Cách nói quá trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  *a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,*  *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.*                                             (Tục ngữ)  *b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.*                                           (Tục ngữ)  *c) Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*  (Ca dao)  HS thực hiện phiếu học tập số 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **II. LUYỆN TẬP.**  **Bài tập 1/tr.9:**  a. Nói quá: ***chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối****:* Biểu thị đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch) ngắn đến nỗi chưa kịp làm gì đã hết.  - Tác dụng:  + tạo ấn tượng sâu sắc về thời gian quá ngắn của đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch).  + Ngầm thể hiện ý: con người cần biết và có cách ứng xử phù hợp với quy luật của thời gian (chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp).  b. Nói quá: ***tát Biển Đông cũng cạn***biểu thị sức mạnh đồng thuận, đoàn kết (giữa vợ và chồng trong gia đình nói riêng, giữa mọi người trong một tập thể cộng đồng nói chung): Đồng thuận sẽ tạo nên sức mạnh to lớn giúp thực hiện thành công bất cứ việc gì, dù khó khăn, to lớn đến đâu.  - Tác dụng:  + Tạo ấn tượng sâu sắc về sức mạnh của đoàn kết;  + Ngầm khuyên mọi người hãy luôn coi trọng, giữ gìn, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự động thuận trong gia đình và cộng đồng.  c. Nói quá ***Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày***  - Tác dụng:  + Tác giả dân gian tạo nên hình ảnh cảm động, gây ấn tượng hết sức sâu sắc về công việc vô cùng cực nhọc, vất vả của người nông dân (phải đổ rất nhiều mồ hôi, công sức trên đồng ruộng trong điều kiện thời tiết nóng bức của buổi trưa hè);  + Nhắc nhở mọi người cần phải biết quý trọng người lao động và những sản phẩm mà họ tạo ra. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS hướng dẫn HS tìm cách nói quá (ở cột bên trái) tương ứng với cách nói thông thường (ở cột bên phải) theo mẫu.   |  |  | | --- | --- | | *Cách nói quá* | *Cách nói thông thường* | | *1) nghìn cân treo sợi tóc* | *a) rất hiền lành* | | *2) trăm công nghìn việc* | *b) quá yếu, không quen lao động chân tay* | | *3) hiền như đất* | *c) rất bận* | | *4) trói gà không chặt* | *d) ở tình thế vô cùng nguy hiểm* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày, nhận xét.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 2/tr.9:**Tìm cách nói quá tương với cách nói thông thường:  **Trả lời:**  1) - d)  2) - c)  3) - a)  4) - b) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ **thuật Think – Pair – Share**  (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  - GV yêu cầu HS:  **Câu 3.** Xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm - nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  *a) Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!*                                      (Thu Bồn)  *b) Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...*                                        (Tố Hữu)  *c) Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi.*                                          (Tô Hoài)  HS thực hiện phiếu học tập số 2  - GV gợi ý: Nên sử dụng những cụm từ đã cho ở vị ngữ, để nói về một hành động hoặc một trạng thái của con người, ví dụ: *“Biết kết quả thi, anh Nam buồn nẫu ruột, không muốn đi đâu cả.”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.  Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 3/tr.10:**Xác định, phân tích biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau.  a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh | Điều muốn biểu thị | Tác dụng | | a | Đã yên nghỉ | Nói về việc chủ tích Hồ Chí Minh đã từ trần | -Tránh gây cảm giác đau buồn;  - thể hiện lòng thành kính, tiếc thương sâu sắc trước sự ra đi của Bác. | | b | * Mất * Về | Cái chết | -Tránh gây cảm giác đau buồn;  -thể hiện tình yêu thương của tác giả đối với hai ông bà đã nuôi | | c | Đã khuất núi | Cái chết | Thể hiện sự kính trọng của nhân vật Dế Mèn đối với nhân vật Bọ Ngựa. | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu và vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ nói quá, nói giảm- nói tránh.

**b. Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:** HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não.

**Dạng 1: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**Bài tập 1.** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với các thành ngữ đó.

1. Sợ hãi khiếp đảm đến mức mặt tái mét.
2. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ khăng khít với nhau.
3. Giống hệt nhau đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất.
4. Cả gan làm điều gì kém cỏi vụng về trước người hiểu biết tinh thông, tài cán hơn mình.

**Bài tập 2.** Sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá, nói giảm- nói tránh.

**\*GỢI Ý:**

**Bài tập 1.**

**Câu a.***mặt cắt không còn giọt máu* (*mặt cắt không ra máu*).

**Câu b.***như hình với bóng*.

**Câu c.***như hai giọt nước*.

**Câu d.***đánh trống qua cửa nhà sấm*.

* Đặt câu **THAM KHẢO**

**Câu a.** Chỉ cần ba hơi lặn ngắn, anh đã trồi lên trước mặt Thuý – một khuôn *mặt cắt không còn giọt máu.*

**Câu b.** Thôi cũng được và bắt đầu từ giờ phút này, lão phải theo ta *như hình với bóng*.

**Câu c.** Hai đứa giống nhau *như hai giọt nước*.

**Câu d**. Ồ làm gì cái vặt ấy. Hiểu dụ cho dân nghe, chứ đâu dám *đánh trống qua cửa nhà sấm.*

**Bài tập 2.** HS tự sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá.

**Dạng 2: Thực hành sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm- nói tránh.**

**Bài tập nhóm (Về nhà):**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ (**[Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D)):

**Câu 3.**Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn mình đã viết vào tiết học sau hoặc tiết tự chọn

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

* Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn

- Nội dung: chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm- nói tránh. |  |  |
| **3** | Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

Đoạn văn tham khảo:

Đối với em, mùa hè thật tuyệt vời khi có những cơn mưa. Sau cái nắng như đổ lửa, chiều về, thời tiết dịu hẳn. Bỗng từ đâu, từng đám mây đen kéo đến. Bầu trời tối sầm lại. Gió thổi khiến cây cối nghiêng ngả. Một lúc sau, mưa kéo đến. Những hạt mưa rơi xuống khắp các mái nhà, vườn cây, con đường... Tiếng mưa rơi kêu rào rào nghe thật vui tai. Mưa càng lúc càng nặng hạt, những hạt nước mưa trong veo rơi xuống như trút nước. Những hạt nước ấy đang đem nguồn sống tươi mát cho vạn vật. Chẳng bao lâu sau, cơn mưa đã ngớt dần rồi tạnh hẳn. Sau cơn mưa, mọi vật trở nên sáng bừng sức sống.

Nói quá: Sau cái nắng như đổ lửa…

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

*-Nắm được nội dung bài học.*

*- Hoàn thành các bài tập.*

*-Chuẩn bị bài:Thực hành đọc,hiểu: “Bụng và răng,miệng,tay,chân; Tục ngữ về thiên nhiên ,lao động và con người, xã hội (2)/11-12.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***25/1/2024***  ***27/1/2024*** | ***25/1/2024***  ***27/1/2024*** |
| ***7/1/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4/1*** | ***2/2*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 6.**  **TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**  **TIẾT 79,80**  **THỰC HÀNH ĐỌC, HIỂU**  **BỤNG VÀ RĂNG, MIỆNG, TAY, CHÂN**  **(Ê- dốp)** |

**I. MỤC TIÊU.**

***1. Về kiến thức:***

**- Củng cố kĩ năng đọc hiểu truyện ngụ ngôn**

- Nắm được các tri thức đọc hiểu có quan hệ trực tiếp với việc đọc hiểu truyện ngụ ngôn. Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, cốt truyện, tình huống, ngôi kể, không gian, thời gian...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của truyện ngụ ngôn.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; nhận biết được sự kết hợp lời người kể chuyện và lời của nhân vật trong truyện.

- Nhận biết thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến qua văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3. Về phẩm chất*:***

Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị**: Máy chiếu,ti vi

**2.Học liệu:** Tư liệu về truyện ngụ ngôn và văn bản “ Bụng và răng, miệng , tay, chân.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp : Vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật : Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ.**  **GV tổ chức trò chơi: Nhìn tranh đoán truyện**  HS quan sát tranh và cho biết tranh nào minh hoạ cho truyện ngụ ngôn đã học?  Truyện ngụ ngôn Rùa và thỏ  Tranh 1 Tranh 2  Đẽo cày giữa đường [Truyện ngụ ngôn Việt Nam] - Truyện dân gianCâu chuyện bó đũa Tranh 3 Tranh 4  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào cách ứng xử của bản thân và những người xung quanhđể kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **Đáp án:** Tranh 1: Truyện *Thầy bói xem voi*  Tranh 2: Rùa và Thỏ  Tranh 3: Đẽo cày giữa đường  Tranh 4: Câu chuyện bó đũa  *🡺GV dẫn vào bài:*  *Mỗi câu chuyện ngụ ngôn không chỉ giúp chúng ta khám phá các nhân vật, bối cảnh, đề tài của truyện, mà khi gấp trang truyện lại những bài học bổ ích còn âm vang trong tâm trí chúng ta. Trong kho tàng truyện ngụ ngôn thế giới, người ta biết đến nhiều truyện ngụ ngôn nổi tiếng của Ê- Dốp, của La- phông- ten…Tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu một truyện ngụ ngôn của Ê- dốp. Đó là truyện Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân. Vậy câu chuyện ngày hôm nay sẽ mang đến cho chúng ta những bài học gì mới? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu câu chuyện này, để khám phá thông điệp mà tác giả gửi gắm nhé!* |  |

**.HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các chi tiết thể hiện tính cách nhân vật, bối cảnh của truyện và ý nghĩa của bối cảnh trong việc xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện.

- Thấy được những đăc sắc nghệ thuật trong việc xây nhân vật, bối cảnh truyện.

+ Rút ra được bài học của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  Các bộ phận trên cơ thể gồm Răng, Miệng, Tay, Chân phải làm việc suốt ngày. Họ thây Bụng chẳng phải làm việc gì cả mà chỉ cần hưởng thụ. Do thấy không công bằng, họ đã quyết định đình công cho Bụng phải biết góp sức vào làm việc. Nhưng khi họ đình công bằng cách tuyệt thực, không chỉ Bụng mà tất cả các bộ phận của cơ thể đều rã rời, không có sức sống. Đến lúc này, tất cả mới hiểu Bụng không phải chỉ biết hưởng thụ thành quả từ công sức lao động của các bộ phận khác mà chính nó cũng chẳng được ngơi phút nào.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu Hs trình bày **phiếu học tập số 1** đã chuẩn bị ở nhà.   |  | | --- | | **Câu 1: Trình bày hiểu biết của em về tác giả Ê- dốp**  ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**Câu 2: Trình bày hiểu biết của em về tác phẩm:**  - Xuất xứ  - Thể loại  - Đề tài  - Nhân vật  - Bối cảnh  - Phương thức biểu đạt  - Ngôi kể  - Bố cục  **Câu 3. Tóm tắt truyện bằng lời văn của em?** |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS chuẩn bị phiếu học tập ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS trình bày  -HS tóm tắt truyện  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **-**GV yêu cầu HS nhận xét.  -GV nhận xét, chốt kiến thức.  Tóm tắt: Các bộ phận trên cơ thể gồm Răng, Miệng, Tay, Chân phải làm việc suốt ngày. Họ thây Bụng chẳng phải làm việc gì cả mà chỉ cần hưởng thụ. Do thấy không công bằng, họ đã quyết định đình công cho Bụng phải biết góp sức vào làm việc. Nhưng khi họ đình công bằng cách tuyệt thực, không chỉ Bụng mà tất cả các bộ phận của cơ thể đều rã rời, không có sức sống. Đến lúc này, tất cả mới hiểu Bụng không phải chỉ biết hưởng thụ thành quả từ công sức lao động của các bộ phận khác mà chính nó cũng chẳng được ngơi phút nào. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Ê-dốp**sống vào khoảng năm 620-564 trước CN) là một nhà văn Hy Lạp.  **b. Tác phẩm.**  **- Xuất xứ**: Theo Nguyễn Ngọc Châu, 200 truyện ngụ ngôn Ê- dốp dịch thành thơ song thất lục bát, NXB Thế giới, Hà Nội 2019  **- Thể loại:**Truyện ngụ ngôn, có hình thức thơ song thất lục bát (hai câu 7 tiếng; 1 câu 6 tiếng, 1 câu 8 tiếng)  **-Đề tài:** Cách nhìn nhận, tôn trọng công việc của mình, của người khác  **-Nhân vật:**  Bụng và răng, miêng, tay, chân.   * Dùng các bộ phận cơ thể người để nói về chuyện người => điểm đặc biệt   **- Bối cảnh:** Thời gian: không xác định “Ngày đẹp trời”  **-Phương thức biểu đạt:**Tự sự.  -**Ngôi kể** : Thứ 3.  **- Bố cục :** 3 phần tương ứng với 3 sự việc: Chia bài thơ làm 3 đoạn  **- Phần 1:** 3 khổ thơ đầu: *Các thành viên Chân, Tay, Miệng, Răng họp bàn nhau “đình công” vì anh Bụng chẳng làm gì.*  **- Phần 2**: 2 khổ thơ tiếp: *Các thanh viên mệt mỏi, không còn sức lực.*  **- Phần 3:** Khổ cuối: *Mọi người hiểu ra và đoàn kết trở lại.*  **-Tóm tắt:** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm học tập.**  *Lí do gì khiến các thành viên cơ thể phải họp bàn?*  *- Sự bất bình của họ đi đến quyết định gì?*  *- Theo em, thái độ của họ ra sao? Qua đó, cho thấy họ có tính cách như thế nào?*  *- Cuộc đình công của họ dẫn đến hậu quả gì?*  *- Họ sửa chữa sai lầm bằng cách nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II. ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **1. Phân tích tình huống truyện**  **a. Sự suy bì của *Răng, Miệng, Tay, Chân với Bụng*.**  - Mở đầu truyện, các nhân vật sống rất hoà thuận, thân thiết. Bỗng một hôm, họ thấy bất bình.  - Lí do bất bình: Họ làm việc vất vả “phải cong lưng” còn anh Bụng lại sung sướng hưởng thụ (Anh Bụng ung dung chén tràn)  - Quyết định: đình công để anh Bụng phải chung tay cùng làm việc.  - Thái độ: năng nổ họp bàn  -> Suy bì, tị nạnh là một thói xấu đáng phê phán.  - Cách phản ứng:  + Tay bỏ hẳn việc gắp thịt  + Miếng: từ chối, nhất quyết không ăn.  + Răng: ngồi chơi.  …  => cách phản ứng rất kiên quyết, không hợp tác làm việc.  **b. Hậu quả của sự suy bì:**  - Cả bọn lừ đừ, mệt mỏi, rã rời gần như tê liệt: người rã rời, Tay oặt ẹo, Miệng khô, đắng ngắt; Chân mệt đến mức không mang nổi thân  -> Mất đoàn kết sẽ làm cả tập thể suy yếu.  -> Cá nhân không thể tồn tại nếu tách rời cộng đồng  **c. Bài học của *Răng, Miệng, Tay, Chân***  - Tất cả nhận ra sai lầm của mình: hết. Bụng cũng phải làm việc như mọi người.  + Hiểu công việc của anh Bụng, Bụng không hề chơi chút nào.  + Nhận thấy mối quan hệ mật thiết của mọi người với lão.  + Cần đoàn kết để tạo sức mạnh chung, tuyệt đối không được kèn cựa, so bì, ghen tị với nhau   * Mọi người đã sửa chữa hậu quả:   + Cuộc sống đoàn kết, hòa thuận, vui vẻ, khỏe  mạnh. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  -Tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học gì đến người đọc, người nghe?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Hs suy nghĩ trả lười câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  -Gv nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Bài học**  - Không nên so bì, ganh tị.  - Biết nhìn nhận, đánh giá công việc của mình, của người khác. - Cần hợp tác tôn trọng lẫn nhau. - Phải đoàn kết, có tinh thần tập thể. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Hoạt động cá nhân**  + Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  HS suy nghĩ cá nhân 2’. GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Hs trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - Hs nhận xét.  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện hấp dẫn, kết cấu vòng tròn.  - Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ thông qua mượn bộ phận cơ thể người để xây dựng nhân vật.  - Đề tài gần gũi, cách kể ngắn gọn, ít tình tiết.  **2. Nội dung**  Qua câu chuyện, tác giả Ê- dốp muốn:  - Nêu lên lối ứng xử giữa người với người.  - Khuyên răn moị người khi sống trong tập thể mỗi cá nhân cần có ý thức đoàn kết, góp phần tạo nên sức mạnh, biết nương tựa vào nhau.  - Đừng tự cho mình là quan trọng mà đó kị, dẫn đến sự chia rẽ. |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp : Vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật : Động não.

**\*Nhiệm vụ 1**: **Trắc nghiệm củng cố**

GV tổ chức trò chơi *Ngôi sao may mắn*

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.**

**GV phổ biến luật chơi: Có 5 ngôi sao, trong đó có một ngôi sao may mắn. Bạn nào lật được ngôi sao may mắn sẽ có ngay điểm tốt mà không cần trả lời. Bạn nào lật 4 ngôi sao còn lại phải trả lời câu hỏi. Trả lời đúng sẽ được điểm tốt. Bạn nào trả lời sai phải hát một bài hát ngắn.**

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1:** Truyện *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích.

**B. Truyện ngụ ngôn.**

C. Thơ trữ tình.

D. Ca dao.

**Câu 2:** Cách phản ứng của các thành viên Răng, Miệng, Tay, Chân như thế nào?

**A. Tất cả đều từ bỏ công việc.**

B.  Tất cả đều thích làm công việc.

C. Tay, Chân thì làm, Răng, Miệng thì không làm.

D. Răng, Miệng chỉ từ bỏ công việc vài hôm.

**Câu 3:** Kết cục, các thành viên Răng, Miệng, Tay, Chân đã nhận ra điều gì ở Bụng?

A. Bụng thích ăn và ngủ.

B. Bụng lười biếng, chỉ thích ăn.

C. Bụng ham chơi, không chịu làm.

**D. Bụng luôn làm, không nghỉ ngơi chút nào.**

**Câu 4: T**ruyện *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* mượn các thành viên cơ thể để nói về chuyện của ai?

A. Tự nhiên

B. Sự vật

**C. Con người**

D. Con vật

**Câu 5:** Bài học rút ra từ truyện *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* là gì?

A. Mỗi người đều có quyền riêng tư, cần phải được tôn trọng, tránh đố kị lẫn nhau.

**B. Sống trong tập thể phải biết chung sức đoàn kết, tránh đố kị lẫn nhau dẫn đến chia rẽ.**

C. Mỗi người phải sống tự lập, không nên dựa dẫm vào người khác, tránh đố kị lẫn nhau.

D. Sống trong tập thể phải tôn trọng, không nên trêu ghẹo, đùa giỡn gây mất lòng nhau,

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Gv công bố kết quả.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

\***Nhiệm vụ 2**:

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.**

HS thảo luận theo cặp đôi, nhóm để hoàn thành các bài tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS sưu tầm và viết ra giấy

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

Gọi đại diện một số cặp đôi lên.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá, chuẩn kiến thức**.**

**Bài 1. Hãy tìm những câu danh ngôn, tục ngữ, thành ngữ thể hiện chủ đề câu chuyện này?**

**Gợi ý:**

1.Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết.

2. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

3. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

4. Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người.

**Bài 2.** Tìm đọc truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* của Việt Nam, so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê-dốp và nêu nhận xét của em.

Gợi ý: So sánh điểm giống và khác giữa hai truyện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*** | ***Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*** |
| **Giống nhau** | - Các nhân vật đều là bộ phận cơ thể người.  - Cùng mang thông điệp về sự đoàn kết. | |
| **Khác nhau** | - Là truyện ngụ ngôn của Việt Nam.  - Các nhân vật gồm: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.  - Được kể bằng hình thức văn xuôi. | - Là truyện ngụ ngôn của Ê-dốp.  - Các nhân vật gồm: Bụng, Răng, Miệng, Tay, Chân.  - Được kể bằng văn vần |

**Bài 3.** So sánh truyện ngụ ngôn *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* với các truyện ngụ ngôn đã học:

Gợi ý:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | ***Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*** | ***Ếch ngồi đáy giếng*** | ***Đẽo cày giữa đường*** |
| **Giống nhau** | | - Về đề tài: Đều lấy những đề tài gần gũi, thể hiện suy ngẫm về những bài học luân lí ở đời.  - Về nhân vật: Các truyện đềumượn con vật, con người, cơ thể người để xây dựng nhân vật.  - Về cách kể: ngắn gọn, ít tình tiết.  - Về bài học: Nêu lên bài học nhằm giáo dục, khuyên răn con người về cách sống, lối ứng nhân xử thế. | | |
| **Khác nhau** | **Đề tài** | Phản ánh cách đối nhân xử thế, sống trong tập thể phải biết đoàn kết, hòa đồng, không nên cho mình là quan trọng. | Phê phán thói tự cao, tự đại của con người | Phê phán kẻ không có chính kiến của bản thân |
| **Cách kể** | Văn vần | Văn xuôi | Văn xuôi |
| **Nhân vật** | Các bộ phận của con người | Động vật | Con người |
| **Nội dung** | Nêu lên lối ứng xử giữa người với người. | Phê phán thói hư tật xấu của con người: huênh hoang, tự cao tự đại, thiếu hiểu biết. | Phê phán thói hư tật xấu của con người: thiếu chủ kiến, không có lập trường. |
| **Bài học** | - Khuyên răn moị người khi sống trong tập thể mỗi cá nhân cần có ý thức đoàn kết, góp phần tạo nên sức mạnh, biết nương tựa vào nhau.  - Đừng tự cho mình là quan trọng mà đó kị, dẫn đến sự chia rẽ. | Bài học về sự khiêm tốn và trau dồi hiểu biết của bản thân. | Bài học về việc phải có chính kiến. |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

- Phương pháp : Vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật : Động não.

**HĐ cá nhân (Về nhà):**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.**

Theo em, thói suy bì, tị nạnh gây nên những hậu quả gì*?Viết một đoạn văn khoảng 4 đến 5 câu nêu suy nghĩ của em về những tác hại ấy.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn mình đã viết vào tiết học sau hoặc tiết tự chọn

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

\* Rubrics đánh giá đoạn văn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung**  **(Lí do vì sao thích văn bản đó)** | - Chủ đề của đoạn: tác hại của thói suy bì, tị nạnh | **0,5** |
| - Tác hại với bản thân:  + Bản thân luôn có cảm xúc tiêu cực  + Không có thời gian để cho mình phấn đấu, tước mất cơ hội phẩm giá của chính mình  + Có thể có những hành động thái quá vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật  - Tác hại với người xung quanh, với xã hội:  + Xảy ra những mâu thuẫn , bất hoà  + Tạo môi trường làm việc không lành mạnh, thủ đoạn  + Cản trở sự phát triển của tập thể và xã hội | **3**  **3** |
| Khẳng định cảm xúc, nhận thức của người viết | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

*- Hoàn thành các bài tập.*

*-Nắm được nội dung, ý nghĩa của văn bản.*

*-Chuẩn bị bài: Soạn bài “ Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người xã hội( 2) ”*

*+ Đọc văn bản*

*+Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài( SGK)*